

Bản án số: 352/2024/DS-ST
Ngày 30-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

Bà Nguyễn Thị Mai Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận
Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
323/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
578/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 273/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Kiều M**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Xuân T**; địa chỉ: **Số
B đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ** là người đại diện theo ủy
quyền (văn bản ủy quyền ngày 25-12-2023). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Võ Hồng P**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số F H đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.**

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Văn M1**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

2. Bà **Trác Thị Kim P1**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Số I đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.**

3. Cháu **Võ Đức T2**, sinh năm 2020

4. Cháu **Võ Đức P2**, sinh năm 2017

Cùng địa chỉ: **Số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện hợp pháp của cháu **T2**, cháu **P2**: Bà **Võ Kiều M** là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt).

5. Cháu **Võ Văn T3**, sinh năm 2010

Địa chỉ: **Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.**

Người đại diện hợp pháp của cháu **T3**: Bà **Nguyễn Ngọc Á (L)** là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 10-4-2023; đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông **Phạm Xuân T** trình bày:*

Bà **Võ Kiều M** và ông **Võ Văn T4** là vợ chồng hợp pháp, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 200 ngày 25-11-2016.

Trên cơ sở thỏa thuận về việc cho vay tài sản, vợ chồng bà **Võ Kiều M** đồng ý cho vợ chồng ông **Võ Hồng P** và bà **Nguyễn Thị T1** vay số tiền 900.000.000 đồng với mục đích kinh doanh của gia đình, lãi suất vay theo quy định của pháp luật (20%/năm), thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày hợp đồng được công chứng.

Việc vay tài sản này có thành lập hợp đồng vay tài sản giữa ông **Võ Văn T4** và ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1**. Hợp đồng vay tài sản này được Văn phòng công chứng **Đỗ Thị H** chứng nhận số 5184, quyền số 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11-11-2021.

Tuy nhiên, ông **T4** đã mất vào ngày 05-01-2022. Hàng thừa kế thứ nhất của ông **T4** gồm: ông **Võ Văn M1**, bà **Trác Thị Kim P1**, **Võ Đức T2**, **Võ Đức P2**, **Võ Văn T3** và bà **Võ Kiều M**.

Đến hiện tại, đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông **Võ Hồng P** và bà **Nguyễn Thị T1** vẫn không trả cho gia đình bà **M** bất kỳ khoản nào, mặc dù bà **M** đã nhiều lần yêu cầu nhưng vẫn không có kết quả.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ giải quyết:

- Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có nghĩa vụ trả cho các đồng thừa kế của ông Thương số tiền:

+ Nợ gốc là 900.000.000 đồng.

+ Lãi suất theo quy định, ngày phát sinh nghĩa vụ trả nợ 12-11-2021 tạm tính đến ngày khởi kiện 10-4-2023, làm tròn 17 tháng, nợ gốc x 17 tháng x lãi suất 1,67%/tháng, cụ thể: 900.000.000 đồng x 17 tháng x 1,67%/tháng = 255.510.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi là: 900.000.000 đồng + 255.510.000 đồng = 1.155.510.000 đồng.

- Yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông **Võ Văn T4** để lại là 1.155.510.000 đồng theo quy định pháp luật, cụ thể:

Bà **Võ Kiều M** được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị di sản và 01 suất thừa kế theo pháp luật, tương đương 674.047.500 đồng.

Ông **Võ Văn M1**, bà **Trác Thị Kim P1**, **Võ Đức T2**, **Võ Đức P2**, **Võ Văn T3** mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế theo pháp luật, tương đương 96.292.500 đồng.

Tại phiên tòa,

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông **Phạm Xuân T** trình bày:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** trả lại cho nguyên đơn và những người thừa kế của ông **Võ Văn T4** tổng số tiền 1.153.980.000 đồng (trong đó số tiền gốc 900.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh 10%/ năm (0,83%/tháng) trên số tiền gốc từ ngày 12-11-2021 đến ngày 30-9-2024 (làm tròn 34 tháng) với số tiền 253.980.000 đồng).

Yêu cầu chia thừa kế số tiền ông **Võ Văn T4** để lại là 1.153.980.000 đồng theo quy định của pháp luật, cụ thể: Bà **Võ Kiều M** được hưởng $\frac{1}{2}$ của số tiền 1.153.980.000 đồng; $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại sẽ chia đều cho các đồng thừa kế của ông **T4** 06 người gồm: bà **M**, ông **M1**, bà **P1**, cháu **T2**, cháu **P2**, cháu **T3**.

* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc. Đối với số tiền lãi, nguyên đơn tính mức lãi suất 0,83%/tháng là đúng theo quy định nên chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho những người thừa kế của ông **Võ Văn T4** theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt phiên tòa tiếp theo vào ngày 30-9-2024. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 10-4-2023 và đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện ngày 15-4-2023, thể hiện ông **Võ Văn T4** (chồng của nguyên đơn chết ngày 05-01-2022) có cho bị đơn mượn tiền, do phía bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mượn cho các đồng thừa kế của ông **Võ Văn T4**, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại **quận N** nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1]. *Đối với yêu cầu trả nợ gốc*:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản ngày 11-11-2021 cho thấy giữa ông **Võ Văn T4** (chồng của nguyên đơn chết ngày 05-01-2022) và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền. Theo Hợp đồng vay tài sản ngày 11-11-2021 thể hiện bị đơn vay của ông **T4** số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận đúng theo quy định của pháp luật. Do bị đơn không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền gốc đã mượn cho các đồng thừa kế của ông **T4** là 900.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 27-9-2024, đại diện nguyên đơn xác định bản gốc Hợp đồng vay tài sản ngày 11-11-2021 nguyên đơn đã làm thất lạc nên không cung cấp được bản gốc, nguyên đơn chỉ cung cấp được bản sao y do **Văn phòng C** (trích lục sao y từ bộ gốc được lưu tại **Văn phòng C1**) để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Xét thấy, Hợp đồng vay tài sản ngày 11-11-2021 do nguyên đơn đã làm thất lạc bản gốc nên giải quyết trong vụ án này, sau này nguyên đơn không được khởi kiện đối với bị đơn theo hợp đồng vay tài sản trên thành một vụ kiện khác.

Hợp đồng vay tài sản ngày 11-11-2021 ký giữa ông **Võ Văn T4** và bị đơn được công chứng hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS năm 2015. Theo Hợp đồng vay tài sản trên của các bên có thể hiện thời hạn vay tiền và lãi suất vay nên hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, đã đến thời hạn thanh toán theo hợp đồng vay tài sản nhưng bị đơn không trả nợ, do đó việc nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bản sao y Hợp đồng vay tài sản ngày 11-11-2021 có chữ viết, chữ ký của bị đơn, đây là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho các đồng thừa kế của ông **T4** số tiền mượn 900.000.000 đồng.

[3.2]. Đối với yêu cầu tính lãi:

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay tài sản nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ khi vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng. Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu, do hợp đồng vay tài sản này chỉ thể hiện mức lãi suất tự thỏa thuận, không ghi rõ mức lãi suất cụ thể mỗi tháng bị đơn phải trả là bao nhiêu, do đó trong trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất áp dụng đối với yêu cầu của nguyên đơn là không vượt quá 10%/năm, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 12-11-2021 đến nay (làm tròn 34 tháng):
 $900.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng} = 253.980.000 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho các đồng thừa kế của ông **Võ Văn T4** số tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi 253.980.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi bị đơn phải trả 1.153.980.000 đồng.

*[3.3]. Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông **Võ Văn T4** để lại 1.153.980.000 đồng theo quy định pháp luật:*

Nguyên đơn bà **Võ Kiều M** và ông **Võ Văn T4** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 200 vào ngày 25-11-2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng bà **M** và ông **T4** có 02 con chung là cháu **Võ Đức T2** (nam), sinh ngày 25-6-2020 và cháu **Võ Đức P2** (nam), sinh ngày 21-02-2017.

Ông **Võ Văn T4** chết ngày 05-01-2022 theo Trích lục khai tử số 151/TLKT-BS ngày 02-3-2022 của Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo Tờ khai hộ tịch do nguyên đơn bà **Võ Kiều M** lập ngày 14-7-2022 tại Văn phòng C2 thể hiện: Ông **Võ Văn T4** có vợ là bà **Võ Kiều M** và có 02 con chung là cháu **Võ Đức T2**, cháu **Võ Đức P2**. Cha mẹ ruột của ông **T4** là ông **Võ Văn M1** và bà **Trác Thị Kim P1**. Ông **Võ Văn T4** có 01 người con với người vợ trước (bà **Nguyễn Ngọc Á (L)**) là cháu **Võ Văn T3** (nam), sinh ngày 04-01-2010.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông **Võ Văn M1**, bà **Trác Thị Kim P1** và bà **Nguyễn Ngọc Á (L)** nhưng không đến tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo Tờ khai hộ tịch do nguyên đơn bà **Võ Kiều M** lập ngày 14-7-2022 tại Văn phòng C2 để xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông **Võ Văn T4** bao gồm: Bà **Võ Kiều M**, ông **Võ Văn M1**, bà **Trác Thị Kim P1**, cháu **Võ Đức T2**, cháu **Võ Đức P2** và cháu **Võ Văn T3**.

Số tiền ông **Võ Văn T4** cho bị đơn vay là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông **T4** và bà **Võ Kiều M** nên là tài sản chung của ông **T4** và bà **M**, ông **T4** chết nên bà **M** được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả (1.153.980.000 đồng: 2 = 576.990.000 đồng), bà **M** được hưởng số tiền 576.990.000 đồng.

Còn $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại 576.990.000 đồng được xác định là di sản của ông **T4** chết để lại, ông **T4** chết không để lại di chúc nên di sản của ông **T4** được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông **T4** theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 bao gồm 06 người là: bà **Võ Kiều M**, ông **Võ Văn M1**, bà **Trác Thị Kim P1**, cháu **Võ Đức T2**, cháu **Võ Đức P2**, cháu **Võ Đức T5**, cụ thể: 576.990.000 đồng : 6 = 96.165.000 đồng. Như vậy, bà **M**, ông **M1**, bà **P1**, cháu **T2**, cháu **P2** và cháu **T5** mỗi người sẽ được hưởng số tiền 96.165.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự phải chịu án phí trên số tiền được hưởng theo quy định của pháp luật. Ông **Võ Văn M1**, bà **Trác Thị Kim P1** trên 60 tuổi tuy nhiên không có đơn xin miễn án phí cho nên không được xem xét miễn án phí. Cháu **Võ Đức T2**, cháu **Võ Đức P2** và cháu **Võ Đức T5** thuộc trường hợp trẻ em dưới 18 tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Điều 6; khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 649; Điều 650; Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 33, Điều 66 và Điều 73 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Kiều M** đối với bị đơn ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1**.

Xác định số tiền gốc và lãi tổng cộng là 1.153.980.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi ba triệu chín trăm tám chục nghìn đồng) mà bị đơn ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** phải có trách nhiệm trả là di sản thừa kế của ông **Võ Văn T4** để lại.

Bị đơn ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả số tiền 1.153.980.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi ba triệu chín trăm tám chục nghìn đồng) cho những người thừa kế của ông **Võ Văn T4** theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả cho bà **Võ Kiều M** số tiền tổng cộng là 673.155.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả cho cháu **Võ Đức T2** (có bà **Võ Kiều M** là người đại diện theo pháp luật) số tiền 96.165.000 đồng (Chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả cho cháu **Võ Đức P2** (có bà **Võ Kiều M** là người đại diện theo pháp luật) số tiền 96.165.000 đồng (Chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả cho cháu **Võ Đức T5** (có bà **Nguyễn Ngọc Á** (Lánh) là người đại diện theo pháp luật) số tiền 96.165.000 đồng (Chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả cho ông **Võ Văn M1** số tiền 96.165.000 đồng (Chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** có trách nhiệm trả cho bà **Trác Thị Kim P1** số tiền 96.165.000 đồng (Chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông **Võ Hồng P**, bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu án phí là 46.619.400 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn bốn trăm đồng).

- Nguyên đơn bà **Võ Kiều M** phải chịu án phí là 30.926.200 đồng (Ba mươi triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.481.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001085 ngày 12-5-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bà **Võ Kiều M** còn phải nộp thêm 15.445.200 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Võ Văn M1** phải chịu án phí 4.808.250 đồng (Bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm chục đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trác Thị Kim P1** phải chịu án phí 4.808.250 đồng (Bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm chục đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu **Võ Đức T2**, cháu **Võ Đức P2** và cháu **Võ Đức T5** được miễn án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng